

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/KDTM-ST

Ngày: 30/6/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Bận và bà Nguyễn Thị Kim Thu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Cảnh Khang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2020/TLST-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-KDTM ngày 23/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-DS ngày 08/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Môi trường SV; địa chỉ: Lô 7, Khu xử lý chất thải tập trung TT, xã TT, thị xã PM, tỉnh BR-VT.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị B, sinh năm 1980; chức vụ: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường SV (Văn bản ủy quyền ngày 10/11/2021); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH T; địa chỉ: Đường ĐT743, khu phố BP, phường BC, thành phố TA, tỉnh BD.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Choe Bee H, sinh năm 1962; chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần Môi trường SV và Công ty TNHH T đã ký kết Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 139/2020/HĐXLCT-SV ngày 03/5/2020 và Phụ lục của Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 139/2020/HĐXLCT-SV ngày 03/5/2020. Sau đó Công ty Cổ phần Môi trường SV đã đặt cọc cho Công ty TNHH T số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Phiếu thu ngày 03/5/2020. Tuy nhiên, sau đó Công ty TNHH T vi phạm hợp đồng nhưng không trả lại tiền đặt cọc. Ngày 01/6/2021 và ngày 15/7/2021 Công ty Cổ phần Môi trường SV đã có công văn yêu cầu bị đơn trả lại tiền cọc nhưng bị đơn vẫn không thanh toán.

Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH T phải trả lại cho Công ty Cổ phần Môi trường SV số tiền đặt cọc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

(Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản sao các tài liệu chứng cứ gồm có: Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 139/2020/HĐXLCT-SV ngày 03/5/2020; Phụ lục của Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 139/2020/HĐXLCT-SV ngày 03/5/2020; Phiếu thu ngày 03/5/2020 của Công ty TNHH T; Công văn gửi khách hàng ngày 01/6/2021 và ngày 15/7/2021).

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc khởi kiện của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện 02 năm theo quy định tại Điều 319 của Luật Thương mại.

- Về nội dung: Theo các chứng cứ do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giao nộp thì nguyên đơn Công ty Cổ phần Môi trường SV Nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn Công ty TNHH T số tiền 200.000.000 đồng theo Phiếu thu ngày 03/5/2020 của Công ty TNHH T. Bị đơn không tiếp tục thực hiện hợp đồng nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại tiền đặt cọc cho nguyên đơn. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên liên quan đến hợp đồng dịch vụ được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hợp đồng giữa các bên được thực hiện tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn yêu cầu TAND thành phố Thuận An giải quyết. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đại diện bị đơn:

Tại Công văn số 452/ĐKKD ngày 18/4/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin như sau: Căn cứ hồ sơ doanh nghiệp đăng ký lưu trữ tại Phòng đăng ký kinh doanh và Cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Công ty TNHH T, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700686654 đăng ký lần đầu ngày 12/01/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 30/9/2019; địa chỉ trụ sở chính: Đường ĐT 743, khu phố BP, phường BC, thành phố TA, tỉnh BD; người đại diện theo pháp luật: Ông CHOE BEE H, sinh năm 1962; chức danh: Tổng giám đốc; chỗ ở hiện tại: Đường ĐT 743, khu phố BP, phường BC, thành phố TA, tỉnh BD. Phòng Đăng ký

kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của doanh nghiệp nêu trên.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền đặt cọc đã nhận là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), Hội đồng xét xử thấy:

Theo Phiếu thu ngày 03/5/2020 do nguyên đơn giao nộp thì bị đơn Công ty TNHH T đã nhận của nguyên đơn Công ty Cổ phần Môi trường SV số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng. Nguyên đơn đã có các Công văn ngày 01/6/2021 và ngày 15/7/2021 yêu cầu bị đơn trả lại tiền đặt cọc.

Bị đơn không tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp chứng cứ thể hiện việc đã trả lại cho nguyên đơn số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng nêu trên. Do đó, được coi là thừa nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ sự phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền đã nhận là 200.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng đã nộp; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 30, 39, 40, 91, 92, 96, 147; các điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các điều 74, 75 và 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Các điều 328, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Môi trường SV đối với bị đơn Công ty TNHH T về việc: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

2. Công ty TNHH T phải trả lại cho Công ty Cổ phần Môi trường SV số tiền đặt cọc đã nhận là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1 Trả lại cho Công ty Cổ phần Môi trường SV số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001956 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3.2 Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Văn Hưng